TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày 27 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Tuyết Anh**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**
2. Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Hà Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Minh Muội** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 356/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần S**

Trụ sở chính: Số A, N, phường T, Tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông K N1. Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần S;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1991. Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S. (Theo giấy ủy quyền số 32/2024/UQ-SVN ngày 31/12/2024).

Địa chỉ: Số X, T, Khóm C, phường B, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số S, Khóm V phường B, tỉnh Cà Mau.

(Đại diện Công ty Cổ phần S và ông N2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Vào ngày 15/10/2020, ông Nguyễn Văn N2 có ký kết với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng cầm cố số BAM201001021NA12X, có nội dung cụ thể như sau: Ông N2 cầm cố cho Công ty 01 xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-061.52, nhãn hiệu: Yamaha Sirius; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003858 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 09/01/2012 cho ông Nguyễn Văn N2; giá cầm cố là 6.000.000 đồng; thời hạn cầm cố 06 tháng, kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/4/2021; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất trong hạn cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế. Ông N2 có giao cho Công ty giữ bản chính chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003858 do ông N2 đứng tên. Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho ông N2 vào ngày 15/10/2020.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 15/10/2020 ông N2 đã ký giấy mượn xe với Công ty xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 30 ngày kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/11/2020. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố ông N2 đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố với Công ty, ông N2 chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 2.442.000 đồng (trong đó: gốc 1.805.302 đồng; lãi phí 636.698 đồng). Công ty đã nhiều lần liên hệ, tạo điều kiện cho ông N2 trả nợ nhưng ông N2 cố tình trốn tránh không thanh toán nợ. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N2 trả cho Công ty số tiền vốn gốc 4.194.698 đồng và trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ, lãi suất 1,1%/tháng. Đối với cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố thì nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần này

Bị đơn ông Nguyễn Văn N2: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông N2 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông N2 không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố

tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông N2 phải có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền vốn gốc 4.194.698 đồng và chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về phần này. Ông N2 phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N2 thanh toán số tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng cầm cố đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, ông N2 đang cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. ông Nguyễn Văn N2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông N2 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông N2 không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông N2 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về phần này nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này

[3] Về nội dung: Công ty Cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông N2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền gốc là 4.194.698 đồng và tiền lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ, lãi suất 1,1%.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố đề ngày 15/10/2020 giữa Công ty với ông N2. Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, có căn cứ xác định giữa Công ty với ông N2 có giao dịch cầm cố tài sản với nhau đối với chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-061.52, nhãn hiệu: Yamaha Sirius, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003858 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 09/01/2012 cho ông Nguyễn Văn N2.

Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 15/10/2020 Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho ông Nguyễn Văn N2 theo hợp đồng cầm cố. Sau khi ký hợp đồng cầm cố, ông N2 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán với Công ty. Kể từ ngày 15/01/2021 ông N2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên Công ty yêu cầu ông N2 thanh toán tiền gốc và tiền lãi 1,1%/tháng tính từ ngày 15/01/2021 đến ngày 27/8/2025 là 04 năm 07 tháng 12 ngày tổng cộng là 6.750.947 đồng (trong đó số tiền vốn gốc 4.194.698 đồng, số tiền lãi 2.556.249 đồng) và tiền lãi tiếp theo kể từ 28/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S được chấp nhận nên ông N2 phải chịu án phí là 337.547 đồng. Công ty Cổ phần S không phải nộp án phí sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, Điều 91, Điều 5, Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 275, 280, 309, 310, 311, 314, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với ông Nguyễn Văn N2.

Buộc ông Nguyễn Văn N2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 27/8/2025 là 6.750.947 (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng), (trong đó số tiền vốn gốc 4.194.698 đồng, số tiền lãi 2.556.249 đồng).

Kể từ ngày 28/8/2025, ông Nguyễn Văn N2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận Hợp đồng cầm cố số BAM201001021NA12X ngày 15/10/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty Cổ phần S.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn N2 phải nộp 337.547 đồng *(Ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).*

Công ty Cổ phần S không phải nộp án phí, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000498 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau), được hoàn lại toàn bộ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Đương sự
- Lưu.

Lâm Thị Tuyết Anh